

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

Ngày 24 tháng 04 năm 2026

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng Cộng				
			Đơn giá	Số lượng	Thành tiền		
1	2	3	4	5	6		
Hôm trước chuyển sang					0		
Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày					20,000	256	5,120,000
Được chi trong ngày							5,120,000
Đã chi trong ngày							5,120,000
1. Dịch vụ							384,000
1	chất đốt		1,500	256	384,000		
2. Kho							989,830
Ăn chính							989,830
1	Gạo tẻ	Kg	15,500	20.3	314,650		
2	Nước mắm cá loại I	Chai	74,000	0.6	44,400		
3	Lạc hạt	Kg	80,000	4.5	360,000		
4	Bột canh	Gói	4,000	4	16,000		
5	Hạt nêm Aji-ngon	Kg	62,000	0.49	30,380		
6	Dầu simply	Lít	68,000	3.3	224,400		
3. Đi chợ							3,746,170
Ăn chính							3,746,170
1	Khoai lang	Kg	30,000	2	60,000		
2	Khoai tây	Kg	20,000	2	40,000		
3	Đậu xanh	Kg	50,000	3	150,000		
4	Hành củ tươi	Kg	35,000	0.2	7,000		
5	Chuối tiêu	Quả	1,300	256	332,800		
6	Thịt gà ta	Kg	130,000	18	2,340,000		
7	Gừng tươi	Kg	30,000	0.2	6,000		
8	Hành Tăm	Kg	70,000	0.2	14,000		
9	Lá chanh	Bó	1,000	1.17	1,170		
10	Hành lá	Kg	35,000	1	35,000		
11	Thịt lợn nạc	Kg	130,000	3.5	455,000		
12	Bầu xanh	Kg	17,000	15.6	265,200		
13	Bí ngô (bí đỏ)	Kg	20,000	2	40,000		
Chênh lệch cuối ngày							0

Kế toán

Vũ Thị Na

Phó hiệu trưởng

Ngô Thị Phương Thảo

